TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HS-PT
Ngày 22-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình

Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Duy Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 43/2019/TLPT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn C. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HSST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B.

Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn C**, sinh năm: 1998 tại Bình Phước; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 06/12; con ông Trần Văn X, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1975; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Dương T, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh B.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư: Phạm Cao Khải - Văn phòng Luật sư Thành Vinh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường L, thị xã P, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thái S được anh T thuê lái xe ô tô vận chuyển hàng theo hợp đồng các bên thỏa thuận S chủ động lái xe và giữ chìa khóa xe, mỗi khi chở hàng xong mang xe về để ở sân nhà T (Tức là trả xe). Như thường lệ, vào khoảng 22 giờ ngày 02/11/2018, sau khi S chở hàng xong điều khiển xe về sân nhà anh T (Trả xe), rồi về nhà nghỉ. Sau khi về nghỉ S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô của anh T, bằng cách nhờ Nguyễn Duy H lấy xe mô tô chở S đến nhà anh T, S nổ máy và điều khiển xe ô tô mà S đã trả trước đó đi S1 thị xã P cất giấu. Đến khoảng 07 giờ ngày 03/11/2018, S nhờ Nguyễn Duy H lấy xe mô tô chở S S1 chỗ cất giấu xe ô tô ở thị xã P, trên đường đi S kể cho H nghe việc S lén lút chiếm đoạt xe ô tô của anh T và nhờ H liên hệ bán xe, H đồng ý giúp S bán xe nhưng do người mua trả 12.000.000 đồng, S thấy thấp giá nên không bán.

Đến khoảng 18 giờ ngày 04/11/2018, S nói cho Trần Văn C biết việc chiếm đoạt xe và cùng C bàn bạc liên lạc với anh T yêu cầu chuộc xe với giá 30.000.000 đồng. C dùng điện thoại liên lạc với anh T nói nội dung mang tính đe dọa và yêu cầu anh T chuộc xe với giá 30.000.000 đồng, cấm anh T báo công an… anh T hoảng sợ mất xe, không giám từ chối và xin chuộc giá 15.000.000 đồng thì C và S đồng ý. Để thực hiện ý định buộc anh T phải chuộc xe S rủ Phạm Văn H tham gia bằng cách thuê Đỗ Thanh S là tài xế xe Taxi chở S và H1 đi sang P. Trên đường đi S chọn địa điểm cho H1 xuống canh chừng khi nào thấy T đến giao tiền thì điện thoại báo cho S biết và đồng thời S nói S1 (Tài xế xe Taxi) dùng điện thoại của S liên lạc với T về địa điểm giao tiền, địa điểm lấy xe và chìa khóa xe. Khi nghe H1 báo T đã đến chỗ giao tiền thì S1 điều khiển xe chở S đến địa điểm, lúc này khoảng 23 giờ cùng ngày, khi S và S1 tới nơi thì bị bắt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 05/2019/BKL-ĐGTS ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định giá trị tài sản

của một ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, loại xe 16 chỗ, biển kiểm soát 50LD-00172, chất lượng sử dụng còn 30% có giá trị là 39.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HSST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B đã tuyên xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 53, 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 01(Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử các bị cáo khác, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/4/2019 bị cáo Trần Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử: Bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào khác, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo cáo Trần Văn C.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Phạm Cao Khải đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo gần cưới vợ; cha mẹ bị cáo bị bệnh, xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 04/11/2018, sau khi được S nói cho biết về việc S đã chiếm đoạt xe ô tô của anh T và bàn bạc với bị cáo liên lạc qua điện thoại với anh T yêu cầu chuộc xe với giá 30.000.000 đồng thì C đồng ý. Sau đó bị cáo C đã điện thoại cho anh T yêu cầu anh T chuộc xe với giá 30.000.000 đồng. Do anh T hoảng sợ mất xe nên không giám từ chối và xin chuộc giá 15.000.000 đồng thì C và S đồng ý. Sau đó S

rủ Phạm Văn H tham gia và thuê Đỗ Thanh S là tài xế xe Taxi chở S và H1 đi sang P. Trên đường đi S chọn địa điểm cho H1 xuống canh chừng khi nào thấy T đến giao tiền thì điện thoại báo cho S biết và đồng thời S nói S1 dùng điện thoại của S liên lạc với T về địa điểm giao tiền, địa điểm lấy xe và chìa khóa xe. Khi nghe H1 báo T đã đến chỗ giao tiền thì S1 điều khiển xe chở S đến địa điểm, lúc này khoảng 23 giờ cùng ngày, khi S và S1 tới nơi thì bị Công an bắt quả tang.

Do đó Tòa án nhân dân huyện B tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản", xử phạt bị cáo Trần Văn C 01(Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Trần Văn C, Hội đồng xét thấy rằng: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại; bị hại có đơn xin giạm nhẹ hình phạt cho bị cáo để xem xét xử phạt bị cáo Trần Văn C 01 năm tù là phù hợp không nặng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo cáo Trần Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo gần cưới vợ; cha mẹ bị cáo bị bệnh xem xét cho bị cáo hưởng án treo không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Trần Văn C không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Trần Văn C. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HSST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B.

[2] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

[3] Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 53, 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sử đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn C 01(Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B (01);
- TAND huyện B (01);
- VKSND huyện B (01);
- Chi cục THADS huyện B (01);
- Công an huyện B (01);
- Sở Tư pháp tỉnh B (01);
- PV06 CA tỉnh B (01);
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Bị cáo (01);
- Lưu hồ sơ (01);
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương